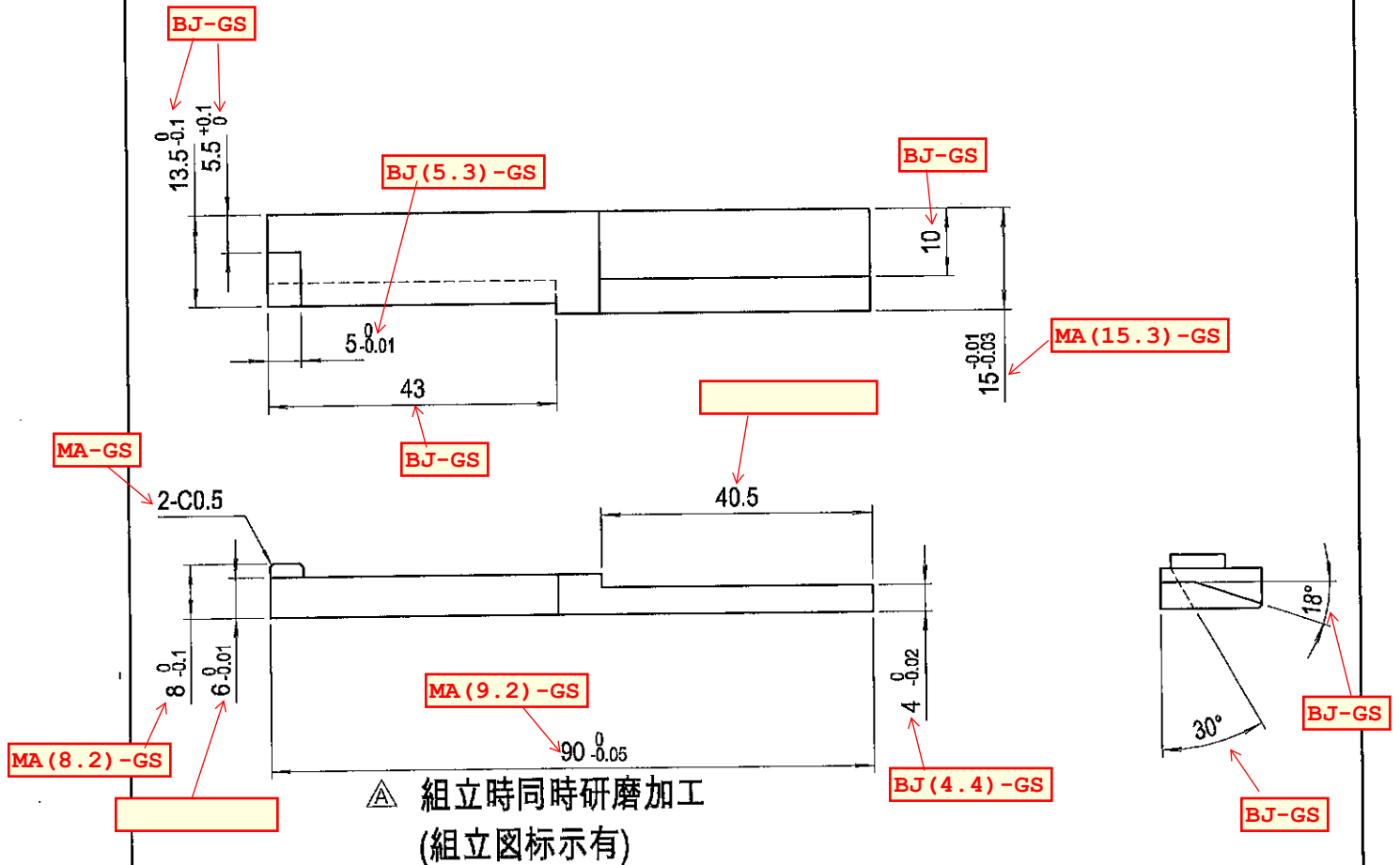


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.						0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△a	2009/11/12	追記		Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01 -0
△						0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
G ▽▽▽									

11126



10  
30  
30  
1  
120

DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Lin_Wei_Cheng	Chang_Fu_Rung	部品図		ガイド
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		GUIDE
HRC 60° ~ 62°		部品図		導件
MATERIAL	DATE	SCALE		導件
SKD11	2009/08/28	1:1		DWG.No.
				<b>S154386</b>

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

T16 x 18 x 100

414 208 0181

SNO: **S154386**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P